

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
VĂN PHÒNG CÔNG TY
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 4 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.252.509.863	305.289.034.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		94.627.556.761	95.228.037.498
1. Tiền	111	V.1	10.627.556.761	15.061.926.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	80.166.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.550.000	422.306.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(983.102.470)	(1.001.346.470)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.621.167.491	104.626.743.730
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	76.413.017.233	96.616.514.443
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.496.994.913	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		8.486.886.050	6.961.043.713
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	8.024.727.354	9.561.600.491
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.800.458.059)	(10.148.889.710)
IV. Hàng tồn kho	140		66.907.843.846	90.263.280.183
1. Hàng tồn kho	141	V.8	70.886.141.377	95.443.794.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(3.978.297.531)	(5.180.513.938)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.655.391.765	14.748.667.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	195.455.030	746.362.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.146.531.518	7.348.870.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	3.802.497.075	6.138.739.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	510.908.142	514.694.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.735.905.312	86.072.402.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

II. Tài sản cố định	220		40.175.200.905	25.843.540.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18.526.989.958	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		29.945.170.679	26.865.505.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.418.180.721)	(9.939.959.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.737.491.966	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643.500.874)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	16.910.718.981	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	240		25.044.277.077	25.620.730.257
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.566.596.753)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.282.088.770	34.177.980.920
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.590.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	25.080.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.062.922.348	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.234.338.560	430.150.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	924.338.560	120.150.542
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	310.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376.988.415.175	391.361.437.356

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		110.141.864.748	117.156.018.908
I. Nợ ngắn hạn		310		108.141.864.748	115.156.018.908
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	76.212.534.363	65.032.633.809	
2. Phải trả người bán	312	V.22	20.813.966.032	34.219.328.103	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	188.218.405	25.525.151	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	162.636.783	404.000.407	
5. Phải trả người lao động	315		501.190.500	785.033.000	
6. Chi phí phải trả	316		4.058.180.601	3.246.213.661	
7. Phải trả nội bộ	317		1.830.001.680	1.033.356.458	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	4.055.367.229	2.125.624.365	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		319.769.155	8.284.303.954	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẠN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266.846.550.427	274.205.418.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		266.846.550.427	274.205.418.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.145.125.364	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	27.164.053.939	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376.988.415.175	391.361.437.356

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE-VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	77.876.101.788	101.915.497.280	326.577.691.361	283.690.064.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.2	2.012.094.521	1.258.912.804	6.964.256.310	3.288.253.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.864.007.267	100.656.584.476	319.613.435.051	280.401.805.254
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.3	72.203.524.445	99.388.802.558	306.148.792.936	274.206.163.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.660.482.822	1.267.781.918	13.464.642.115	6.195.636.892
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.4	9.260.678.286	18.066.803.916	42.223.909.972	85.619.864.187
7. Chi phí tài chính	22	V1.5	2.661.241.584	2.873.510.592	9.254.302.355	5.634.833.183
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.636.114.625	817.372.028	8.078.145.314	2.245.948.442
8. Chi phí bán hàng	24	V1.6	7.288.363.817	6.205.769.587	26.289.710.160	18.134.568.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.7	5.660.126.916	7.134.176.370	18.604.220.022	16.649.160.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.688.571.209)	3.121.129.285	1.540.319.550	51.396.939.735
11. Thu nhập khác	31	V1.8	6.720.280.580	4.454.765.943	13.354.598.207	8.191.772.235
12. Chi phí khác	32	V1.9	(3.148.931.757)	169.784.473	(2.863.674.168)	1.342.789.494
13. Lợi nhuận khác	40		9.869.212.337	4.284.981.470	16.218.272.375	6.848.982.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.180.641.128	7.406.110.755	17.758.591.925	58.245.922.476
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.336.242.507	(8.483.262.078)	2.336.242.507	299.350.667

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẠN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.844.398.621	15.889.372.833	15.422.349.418	57.946.571.809
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		313.926.395.335	234.684.857.340
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(296.527.793.680)	(330.432.410.266)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.095.342.988)	(16.924.163.052)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.041.926.152)	(2.062.756.870)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(5.748.059.478)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.942.940.962	42.417.357.344
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.303.006.595)	(12.787.313.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.098.733.118)	(90.852.488.886)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.609.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.230.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	96.150.464.919
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.912.056.877	53.514.782.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.073.056.877	149.365.247.097

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		239.439.960.945	148.478.010.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(228.260.060.391)	(112.583.511.811)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.756.421.250)	(14.096.176.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		423.479.304	21.798.322.521
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(602.196.937)	80.311.080.732
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	95.228.037.498	14.912.561.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.716.200	4.395.009
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	94.627.556.761	95.228.037.498

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VÃN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÃN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m² đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VÃN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÃN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	342.078.752	517.836.284
Tiền gửi ngân hàng	10.285.478.009	14.544.090.103
Các khoản tương đương tiền	84.000.000.000	80.166.111.111
Cộng	94.627.556.761	95.228.037.498

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	16	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Cộng		1.423.652.470		1.423.652.470

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Xây Dựng Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC) tăng do trong kỳ nhận 1 cổ phiếu thưởng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(983.102.470)	(1.001.346.470)

4. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina	673.901.872	728.500.715
Cty TNHH Giấy Vĩnh Tiến	-	12.708.552.005
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	10.176.492.519	-
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	2.112.446.000	
Trung Tâm Nghiên Cứu và Đào Tạo Thiết Kế Vi Mạch	-	6.001.060.000
Phải thu các khách hàng khác	63.450.176.842	77.178.401.723
Cộng	76.413.017.233	96.616.514.443

5. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Avnet Asia Pte Ltd.	-	252.116.460
Cty TNHH Sea Links City	508.319.000	-
Cty TNHH Bảo Quân	879.145.021	31.350.000
Trả trước cho người bán khác	1.109.530.892	1.353.008.333
Cộng	2.496.994.913	1.636.474.793

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VÃN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÃN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	26.615.590	16.324.651
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	80.052.361	1.032.391
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng (**)	-	5.866.264.573
Thù lao Hội đồng quản trị	335.530.701	-
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	1.000.000.000	
Cty CP Đầu Tư và Thương Mại DV TIE-EXIM	609.000.000	
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	1.317.201.398	-
Các khoản phải thu khác	1.446.327.304	467.978.876
Cộng	8.024.727.354	9.561.600.491

(*)Khoản phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông thế hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(**) Đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản phải thu Phạm Văn Hoàng (liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại kho Hà Nội).

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	-	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	-	(5.879.892.055)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Các khách hàng khác	(3.451.028.058)	(884.567.654)
Cộng	(6.800.458.059)	(10.148.889.710)

8. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Hàng mua đang đi trên đường	130.830.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	553.300.247	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	129.008.176
Thành phẩm	1.215.404.043	971.184.846
Hàng hóa	68.891.660.037	92.954.351.448
Cộng	70.886.141.377	95.443.794.121

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(3.978.297.531)	(5.180.513.938)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 31/12/2014
Chi phí thuê đất	-	735.063.000	735.063.000	-
Chi phí thuê nhà, thuê kho bán hàng	478.797.412	910.649.998	1.389.447.410	-
Chi phí trả trước khác	267.565.544	680.797.872	752.908.386	195.455.030
Cộng	746.362.956	2.326.510.870	2.877.418.796	195.455.030

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng	510.908.142	514.694.000
Cộng	510.908.142	514.694.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền thông	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.105.834.113	26.865.505.659
2. Tăng trong kỳ		882.212.129	2.259.009.091	48.435.600	3.189.656.820
<i>Trong đó</i>					
<i>Mua mới</i>		882.212.129	2.259.009.091	48.435.600	3.189.656.820
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý</i>				109.991.800	109.991.800
4. Số cuối kỳ	20.018.470.793	2.051.107.386	6.831.314.587	1.044.277.913	29.945.170.679
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>1.455.527.339</i>	<i>548.147.166</i>	<i>511.186.807</i>	<i>663.239.929</i>	<i>3.178.101.241</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	771.927.280	9.939.959.108
Tăng trong kỳ	714.807.325	158.151.026	604.886.414	75.803.961	1.553.648.726
Giảm trong kỳ				75.427.113	75.427.113
Số cuối kỳ	7.103.184.783	740.263.174	2.802.428.636	772.304.128	11.418.180.721
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	12.915.286.010	1.310.844.212	4.028.885.951	271.973.785	18.526.989.958

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	557.651.590	-	557.651.590
Tăng trong kỳ	85.849.284	-	85.849.284
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	643.500.874	-	643.500.874
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	4.004.630.545	7.375.595.296	-	11.380.225.841
Showroom tại CN Hà Nội	-	97.016.000	-	97.016.000
TT điều hành du lịch và Văn phòng	-	5.343.454.546	-	5.343.454.546
Khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	4.094.653.139	12.816.065.842	-	16.910.718.981

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.990.143.573	576.453.180	-	3.566.596.753
Giá trị còn lại	25.620.730.257	-	-	25.044.277.077

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

16. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		2.590.000.000		
Cộng		2.590.000.000		

* Theo Giấy chứng nhận số 0312554596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn 2.590 triệu VND.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
- Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		14.640.000.000		-
Cộng		25.080.000.000		10.440.000.000

* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.

* Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE với số tiền 14.640.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

18. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.062.922.348		28.285.558.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình giảm do trong năm 2014 bán 1.200 CP
- Cổ phiếu Cty CP vận chuyển Saigon Tourist giảm do trong năm 2014 bán 14.900 CP

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Chi phí thuê nhà CN Hà Nội		554.198.400	184.732.800	369.465.600
Chi phí phân bổ CCDC dài hạn	120.150.542	253.976.652	155.953.939	218.173.255
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	478.248.726	141.549.021	336.699.705
Cộng	120.150.542	1.286.423.778	482.235.760	924.338.560

21. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.000.000	310.000.000
Cộng	310.000.000	310.000.000

22. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	42.727.685.454	65.032.633.809
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	33.484.848.909	-
	76.212.534.363	65.032.633.809

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013 và hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

23. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty Điện tử Samsung Vina	13.425.580.675	19.506.629.051
Công ty CP Vĩnh Tiến	212.656.739	89.892.796
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.175.728.618	14.622.806.256
Cộng	20.813.966.032	34.219.328.103

24. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
Khách hàng khác	188.218.405	25.525.151
Cộng	188.218.405	25.525.151

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẮN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính vắn phòng (tiếp theo)

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.144.035.415	5.140.106.041	3.929.374
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.260.121	163.633.245	626.876
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	2.336.242.507	-	(3.802.497.075)
- Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	527.896.521	773.816.395	158.080.533
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	5.550.921.969	5.550.921.969	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	(5.734.739.175)	13.727.356.533	11.632.477.650	(3.639.860.292)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	28.666.436	163.952.106
Chi Cổ tức Cho Cổ Đông	3.900.511.857	503.551.857
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	1.350.469.299
Các khoản phải trả khác	126.188.936	107.651.103
Cộng	4.055.367.229	2.125.624.365

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ (01/01/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905
Lợi nhuận tăng trong kỳ				15.422.349.418
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính bù đắp tổn thất liên quan đến khoản phải thu Phạm Văn Hoàng			5.879.892.055	
Lãi, lỗ chi nhánh chuyển về công ty				2.546.475.384
Chia cổ tức năm 2013 (đợt 1 + đợt 2)				14.354.850.000
Số dư cuối kỳ (31/12/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	5.145.125.364	27.164.053.939

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Doanh thu bán ra bên ngoài	75.649.834.527	99.177.461.009
- Doanh thu bán hàng hóa	72.081.523.447	87.224.955.741
- Doanh thu bán thành phẩm	138.672.724	1.547.322.398
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.429.638.356	10.402.455.597
- Doanh thu khác	-	2.727.273
Doanh thu nội bộ	2.226.267.261	2.738.036.271
- Doanh thu bán hàng hóa	2.189.680.763	2.687.069.429
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	7.895.454
- Doanh thu biếu tặng	36.586.498	43.071.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.012.094.521	1.258.912.804
- Hàng bán bị trả lại	2.012.094.521	1.258.912.804
Doanh thu thuần	75.864.007.267	100.656.584.476

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	248.624.464	1.603.220.099
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	68.598.445.119	95.184.337.778
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.389.969.261	-
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp nội bộ	966.485.601	2.601.244.681
Cộng	72.203.524.445	99.388.802.558

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.256.819.386	2.099.067.614
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000.000.000	15.958.386.577
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.858.900	6.374.725
Khác	-	2.975.000
Cộng	9.260.678.286	18.066.803.916

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.636.114.625	817.372.028
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.588.795	42.429.830
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	15.186.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	79.170.900	1.952.513.000
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(94.921.930)	42.980.900
Khác	1.289.194	3.028.834
Cộng	2.661.241.584	2.873.510.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.217.081.191	2.319.601.835
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.324.252	15.976.349
Chi phí dụng cụ bán hàng	88.243.179	119.948.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.787.780	304.589.205
Chi phí bảo hành	137.707.489	62.309.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.667.895	1.103.693.326
Chi phí khác	3.769.552.031	2.279.650.403
Cộng	7.288.363.817	6.205.769.587

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.611.147.760	1.904.301.114
Chi phí vật liệu quản lý	36.026.292	11.867.413
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.115.863	41.836.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.391.763	235.490.829
Thuế, phí và lệ phí	397.935.838	315.945.000
Chi phí dự phòng	(2.492.178.673)	666.853.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.633.450.289	1.089.572.926
Chi phí khác	1.066.237.784	2.868.309.298
Cộng	5.660.126.916	7.134.176.370

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	6.200.693.506	4.157.367.642
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	449.790.080	160.273.000
Thu khác	69.796.994	137.125.301
Cộng	6.720.280.580	4.454.765.943

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	289.517.000	160.273.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.458.322.435)	-
Chi phí khác	19.873.678	9.511.473
Cộng	(3.148.931.757)	169.784.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	410.730.000	375.108.944
Tiền thưởng	16.400.000	500.000
Tiền thù lao	75.000.000	90.000.000
Cộng	502.130.000	465.608.944

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM
 Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn
 Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE
 Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Góp vốn	1.990.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		
Góp vốn	13.640.000.000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.875.004	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng	2.112.446.000	-
Cộng nợ phải thu	2.112.446.000	0

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung tại thị trường Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Công ty không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẮN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính vắn phòng (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.627.556.761	-	-	94.627.556.761
Phải thu khách hàng	42.365.717.337	28.574.350.720	5.472.949.176	76.413.017.233
Các khoản phải thu	13.584.997.814	-	3.210.000.000	16.794.997.814
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	173.630.910.682	28.574.350.720	15.116.885.224	217.322.146.626
Số đầu năm				
Tiền và các khoản	95.228.037.498	-	-	95.228.037.498
Phải thu khách hàng	66.453.066.981	27.570.207.752	2.593.239.710	96.616.514.443
Các khoản phải thu	7.726.427.498	-	9.089.892.055	16.816.319.553
Tài sản tài chính sẵn	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	193.567.818.897	27.570.207.752	17.232.055.763	238.370.082.412

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản trương đương tiền	4.219,09	6.981,98
Phải trả người bán	(239.480,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần	<u>(235.260,91)</u>	<u>(157.456,02)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất cố

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 76.212.534.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hoá thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 34 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh TP.HCM để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.627.556.761	-	95.228.037.498	-	94.627.556.761	95.228.037.498
Phải thu khách hàng	76.413.017.233	(3.590.458.059)	96.616.514.443	(1.058.997.655)	72.822.559.174	95.557.516.788
Các khoản phải thu khác	16.794.997.814	(3.210.000.000)	16.816.319.553	(9.089.892.055)	13.584.997.814	7.726.427.498
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.052.638.770	24.160.286.920
Cộng	217.322.146.626	(13.234.394.107)	238.370.082.412	(15.697.813.708)	204.087.752.519	222.672.268.704

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	76.212.534.363	65.032.633.809	76.212.534.363	65.032.633.809
Phải trả người bán	20.813.966.032	34.219.328.103	20.813.966.032	34.219.328.103
Các khoản phải trả khác	4.184.369.537	4.387.221.222	4.184.369.537	4.387.221.222
Cộng	101.210.869.932	103.639.183.134	101.210.869.932	103.639.183.134

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẠN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

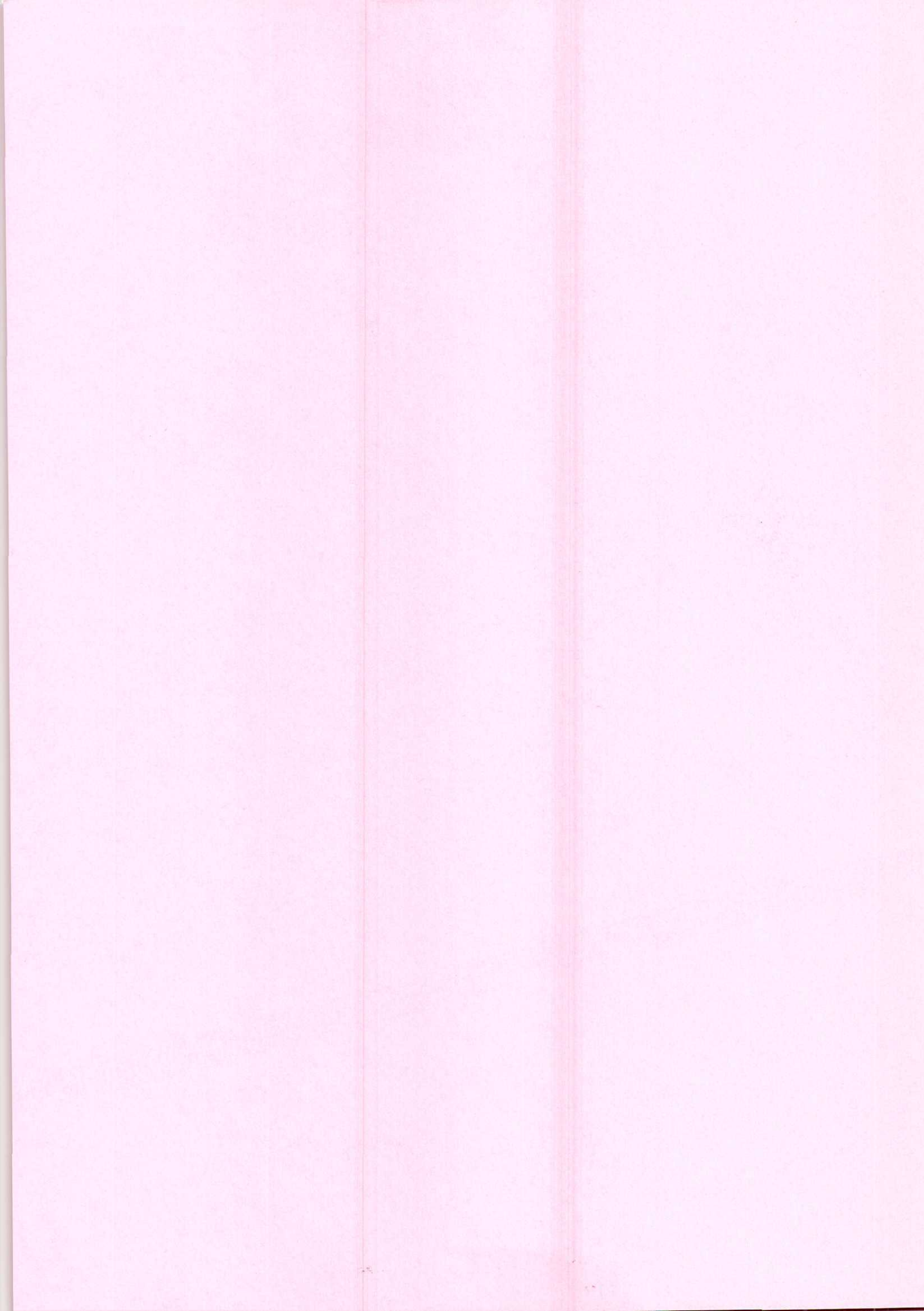
Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh



Vũ Quốc Vinh





CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 Thành Thái, Q.10, TP. HCM
Tel: 08.8330855 Fax: 08.8332754
<http://www.tie.com.vn>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2015 CV-TIE

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty quý 4 năm 2014

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE** giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2014	Quý 4 năm 2013	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	91.844.966.133	123.178.154.335	-31.333.188.202	-25,43%
Tổng chi phí	84.664.325.005	115.772.043.580	-31.107.718.575	-26,86%
Lợi nhuận trước thuế	7.180.641.128	7.406.110.755	-225.469.627	-3,04%
Lợi nhuận sau thuế	4.844.398.621	15.889.372.833	11.044.974.212	-69,51%

Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm trước là 11.045 triệu đồng (69,51%) vì:

- Phát sinh tăng thuế TNDN năm 2012 + năm 2013 (do Tổng Cục thuế điều chỉnh thu nhập tính thuế - theo Biên bản thanh tra của Tổng Cục thuế): 2.336 triệu đồng.
- Phát sinh giảm thuế TNDN đã tạm tính quý 3/2013 (do Công ty điều chỉnh thu nhập tính thuế năm 2013): 8.483 triệu đồng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH